

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **05/2025/DSST**

Ngày: 26/02/2025

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Liên và ông Lương Tấn Nghị

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Hòa tham gia phiên tòa:
Bà Doãn Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 114/2024/TLST-DS ngày 19 tháng 11 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2025/QĐ-HPT ngày 07/02/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại cổ phần S**

Địa chỉ: 266-268 N, phường V, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lã Ngọc Minh, sinh năm 1970 – Nhân viên; Địa chỉ: 11/5/15 KP 2A P, quận 12, Thành phố H (Theo giấy ủy quyền ngày 25/3/2024).
Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: **Phan Văn T**, sinh năm 1992; Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S có ông Lã Ngọc M trình bày:

Ngày 07/6/2019, bị đơn ông Phan Văn T có ký với nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản, Điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của ông Phan Văn T, Ngân hàng thương mại cổ phần S đã đồng ý cấp thẻ tín dụng số thẻ 472074-0840 với hạn mức sử dụng là 25.000.000đ (*Hai mươi lăm triệu đồng*) với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Tánh đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 49.143.000đ.

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông Tánh đã thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 25.000.000đ. Số tiền còn lại Ngân hàng thương mại cổ phần S đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Tánh vẫn chưa thực hiện việc trả nợ. Nên ngày 23/11/2019 Ngân hàng thương mại cổ phần S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng và chuyển toàn bộ dư nợ 29.877.397đ sang nợ quá hạn (gọi là nợ gốc) và tính lãi hàng tháng trên dư nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại, lãi suất trong hạn là 2,6 %/tháng x 150% = 3,9 %/tháng lãi quá hạn).

Mặc dù Ngân hàng thương mại cổ phần S đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông Tánh yêu cầu thanh toán khoản nợ quá hạn. Đồng thời Ngân hàng thương mại cổ phần S cũng tại điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, quá trình giải quyết vụ án ông Tánh chỉ mới thanh toán được thêm một khoản nợ gốc và vẫn chưa thanh toán hết khoản nợ vay quá hạn, vi phạm các điều khoản đã quy định tại hợp đồng đã ký.

Do đó, để thu hồi nợ gốc và lãi, bảo đảm quyền lợi cho Ngân hàng thương mại cổ phần S. Nay Ngân hàng thương mại cổ phần S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phan Văn T phải trả đủ dứt điểm số tiền nợ thẻ tín dụng tổng số tiền tạm tính đến ngày 26/02/2025 là 91.281.340đ (*Chín mươi một triệu hai trăm tám mươi một nghìn ba trăm bốn mươi đồng*), trong đó nợ gốc 16.877.397đ, lãi quá hạn 74.403.944đ.

Kể từ ngày tiếp theo ngày 26/02/2025 cho đến khi thi hành án xong, bị đơn ông Phan Văn T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng đã ký kết giữa nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S và bị đơn ông Phan Văn T.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Phan Văn T trình bày:

Ông Phan Văn T thừa nhận, có vay, còn nợ và chấp nhận trả đủ dứt điểm số tiền gốc còn nợ theo yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S và xin không trả tiền lãi, vì hoàn cảnh khó khăn. Ngoài ra không yêu cầu gì khác

Tại phiên tòa:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S, bị đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Hòa phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, Thẩm phán đã xác định đúng mối quan hệ tranh chấp, xác định

đúng tư cách pháp lý của các đương sự, chấp hành đúng trình tự, thủ tục thu thập tài liệu, chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký cũng đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ pháp luật quy định.

+ Về nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 3, Điều 91 và Điều 95 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Phan Văn T phải trả đủ dứt điểm nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày **xét xử (ngày 26/02/2025)** là 91.281.340đ (*Chín mươi một triệu hai trăm tám mươi một nghìn ba trăm bốn mươi đồng*), trong đó nợ gốc 16.877.397đ, lãi 74.403.944đ.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử (ngày 26/02/2025) cho đến khi thi hành án xong, bị đơn Phan Văn T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng đã ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S và ông Phan Văn T.

Đối với về việc xin không trả lãi của bị đơn: Việc thỏa thuận lãi suất là sự tự nguyện của các bên, mức lãi suất phù hợp với quy định. Ông Tánh nợ số tiền trên trong thời gian dài, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S nhiều lần yêu cầu trả nhưng ông Tánh không thực hiện. Quá trình giải quyết vụ án ông Tánh cũng không chứng minh được hoàn cảnh kinh tế hiện tại của mình đang gặp khó khăn, nên việc xin không trả lãi là không có thiện chí trả nợ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc và lãi đã vay nên đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại thôn M, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên.

[2] Thủ tục giải quyết vắng mặt đương sự: Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét tính hợp pháp của hợp đồng vay tiền: Căn cứ Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng thì ông Tánh và Ngân hàng thương mại cổ phần S giao kết hợp đồng trên là hoàn toàn tự nguyện. Theo hợp đồng ông Tánh đã được Ngân hàng thương mại cổ phần S mở Thẻ tín dụng số 472074-0840 với hạn mức sử

dụng là 25.000.000đ (*Hai mươi lăm triệu đồng*) với mục đích tiêu dùng cá nhân. Lãi suất cho vay 2,6%/tháng, lãi suất quá hạn là mức lãi suất tối đa bằng 150% lãi suất trong hạn. Hợp đồng được lập thành văn bản và có chữ ký của các bên là hợp pháp, phù hợp về hình thức và nội dung, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên theo nội dung các thỏa thuận

[3.2] Về tiền gốc:

Quá trình sử dụng thẻ do ông Tánh đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 23/11/2019 nên Ngân hàng thương mại cổ phần S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sáng nợ quá hạn thành tiền nợ gốc là 29.877.397đ. Quá trình giải quyết vụ án ông Tánh đã trả được một phần nợ gốc, số nợ gốc còn lại vẫn chưa thanh toán. Mặc dù Ngân hàng thương mại cổ phần S đã nhiều lần đôn đốc và tạo điều kiện cho khách hàng trả nợ nhưng ông Tánh vẫn không thực hiện việc thanh toán nợ vay cho Ngân hàng thương mại cổ phần S. Việc ông Tánh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc cho Ngân hàng thương mại cổ phần S là vi phạm nội dung thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết.

Theo Điều 23 của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần S. Nay nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S yêu cầu bị đơn trả hết số nợ gốc còn lại 16.877.397đ là hoàn toàn có căn cứ, Hội đồng xét xử thấy đủ cơ sở để chấp nhận.

[3.4] Về tiền lãi: Nội dung thỏa thuận về lãi suất giữa nguyên đơn và bị đơn theo hợp đồng ký kết là phù hợp với quy định về việc cho vay của các tổ chức tín dụng tại khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010, phù hợp với các quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự, do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán lãi suất chưa thanh toán tạm tính đến ngày xét xử (26/02/2025) là **74.403.943đ**. Bị đơn còn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng đã ký kết kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/02/2025) cho đến khi trả xong nợ.

[3] Xét ý kiến của bị đơn về việc xin không trả lãi, Hội đồng xét xử nhận định: Việc thỏa thuận lãi suất là sự tự nguyện của các bên, mức lãi suất phù hợp với quy định. Ông Tánh nợ số tiền trên trong thời gian dài, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S nhiều lần yêu cầu trả nhưng ông Tánh không thực hiện. Bản thân ông Tánh thừa nhận mình đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Quá trình giải quyết vụ án ông Tánh cũng không chứng minh được hoàn cảnh kinh tế hiện tại của mình đang gặp khó khăn, nên việc xin không trả lãi là không có thiện chí trả nợ nên không có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Tánh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5% giá trị tài sản có tranh chấp là: $91.281.340đ \times 5\% = 4.564.000đ$ (*đã làm tròn*). Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 227, Điều 228, Điều 244; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 3; Điều 91; Điều 95 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ các Điều 117; Điều 118, Điều 119; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S.

1.1. Buộc bị đơn ông Phan Văn T phải trả đủ dứt điểm cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 26/02/2025 là 91.281.340đ (*Chín mươi một triệu hai trăm tám mươi một nghìn ba trăm bốn mươi đồng*), trong đó nợ gốc 16.877.397đ, lãi 74.403.944đ về khoản tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/02/2025) cho đến khi thi hành án xong, bị đơn Phan Văn T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 07/6/2019 đã ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S với ông Phan Văn T cho đến khi trả xong nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Bị đơn Phan Văn T phải chịu **4.564.000đ** (*Bốn triệu năm trăm sáu mươi bốn nghìn đồng*) (*đã làm tròn*) án phí dân sự sơ thẩm về khoản tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 2.280.184đ (*Hai triệu hai trăm tám mươi nghìn một trăm tám mươi bốn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0038657 ngày 28/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

-VKSND huyện Tây Hòa;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND tỉnh Phú Yên;
- Các đương sự;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Hòa;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Kim Thúy